

Bản án số: 564/2019/HNST

Ngày: 26-8-2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Lê Thị Kim Em.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh –Thư ký Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận B không tham gia phiên tòa

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 347/2019/HNST ngày 17 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Kim T, sinh năm: 1959; địa chỉ: Căn hộ 12-B6-2-22 Lô CN5, Khu phố The Panorama, phường T.P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Như K, sinh năm: 1960; địa chỉ: Căn hộ 12-B6-2-22 Lô CN5, Khu phố The Panorama, phường T.P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện ngày 02/5/2019, nội dung các bản tự khai, các biên bản ghi nhận ý kiến tại Tòa, bà Ngô Kim T trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện vào năm 1990, bà và ông K đã kết hôn với nhau có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn ông bà sống rất hạnh phúc, ông K là người rất chịu khó giúp đỡ vợ con. Năm 1991, bà sinh con trai đầu lòng là Nguyễn Như V. Sau hai năm, bà sinh con thứ hai là Nguyễn Như N, lúc này cuộc sống gia đình êm ấm, con cái ngoan ngoãn trưởng thành.

Cách đây năm năm, khoảng năm 2014 mâu thuẫn gia đình bắt đầu phát sinh, nguyên nhân theo bà là do ông K có mối quan hệ với một người phụ nữ khác từ đó ông coi bà như người dưng. Mặc dù biết là tình cảm vợ chồng đã rạn nứt nhưng để có danh phận bà vẫn đề nghị ông K đi đăng ký kết hôn. Do vậy đến năm 2019 ông bà mới đăng

ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 33/2019 do Ủy ban nhân dân phường T.P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/5/2019.

Tuy nhiên cuộc sống gia đình ngày càng trở nên mệt mỏi, chán nản. Ông K chẳng còn tha thiết cuộc sống với bà, cứ đi chơi chán rồi lại về. Bà và các con đã nhiều lần khuyên can nhưng ông K không nghe còn gây nhiều áp lực cho gia đình. Đến thời điểm này, bà cảm thấy mệt mỏi không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông K, bà mong muốn được chấm dứt cuộc sống này với ông K để mẹ con bà sống bình an.

Nhận thấy tình cảm với ông K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà:

- Về quan hệ hôn nhân: Ly hôn với ông Nguyễn Như K

- Về con chung: Có 02 (hai) người con họ tên Nguyễn Như V sinh ngày 20/05/1991 và Nguyễn Như N sinh ngày 20/3/1993 (các con đã trưởng thành)

- Về tài sản chung và nợ chung: bà khai không có

Bị đơn ông Nguyễn Như K đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa nhưng không đến làm việc. Tuy nhiên ông có gửi đơn đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt cho Tòa án, trong đó ông xác nhận đồng ý ly hôn với bà Ngô Kim T. Tòa án cũng tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 nhưng bị đơn ông Nguyễn Như K vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Ngô Kim T yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Như K, hiện ông Nguyễn Như K đang cư trú tại Căn hộ 12-B6-2-22 Lô CN5, Khu phố The Panorama, phường T.P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Ngô Kim T và bị đơn ông Nguyễn Như K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Như K

Căn cứ vào bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2019 đăng ký ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T.P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở để xác định bà Tân và ông K là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà Ngô Kim T và ông Nguyễn Như K tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát

sinh mâu thuẫn, mặc dù vợ chồng sống chung một nhà nhưng không quan tâm, hỏi han và chăm sóc lẫn nhau.

Về nguyên nhân mâu thuẫn bà T xác định là do ông K có người phụ nữ khác, bà và ông cũng không đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau;

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng, hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Như K vẫn không đến Tòa án làm việc. Việc ông K có đơn đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt gửi đến Tòa cùng nội dung đồng ý ly hôn với bà Ngô Kim T điều này thể hiện ông không mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng, thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng quan hệ hôn nhân. Việc xây dựng hàn gắn gia đình phải xuất phát từ hai phía. Do quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K không còn yêu thương, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Ngô Kim T và ông Nguyễn Như K có 02 (hai) người con họ tên Nguyễn Như V sinh ngày 20/05/1991 và Nguyễn Như N sinh ngày 20/3/1993 (các con đã trưởng thành)

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Ngô Kim T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Ngô Kim T và ông Nguyễn Như K có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn bà Ngô Kim T và bị đơn ông Nguyễn Như K.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Kim T và ông Nguyễn Như K (Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2019 ngày 02/5/2019 do Ủy ban nhân dân phường T.P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2.2. Về con chung: Có 02 (hai) người con họ tên Nguyễn Như V sinh ngày 20/05/1991 và Nguyễn Như N sinh ngày 20/3/1993 (các con đã trưởng thành)

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về nợ chung: Không có.

3. Án phí sơ thẩm: Bà Ngô Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0031078 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, bà Tân đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Bà Ngô Kim T, ông Nguyễn Như K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- UBND phường T.P, Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang